tài sản ô tô Nguyên giá = 809.760.000 Năm đưa vào sử dụng 2012

Năm	Tỷ lệ hao mòn hàng năm	hao mòn hàng năm	hao mòn lũy kế	Gía trị còn lại	Ghi chú
2012	0,10	80.976.000	80.976.000	728.784.000	
2013	0,10	80.976.000	161.952.000	647.808.000	
2014	0,10	80.976.000	242.928.000	566.832.000	QD/2008/QĐ - BTC
2015	0,0667	54.010.992	296.938.992	512.821.008	theo thông tư 162/2014/TT-BTC; Thông tư 45/2018/TT-BTC (ví dụ 4 thông tư 45)
2016	0,0667	54.010.992	350.949.984	458.810.016	
2017	0,0667	54.010.992	404.960.976	404.799.024	
2018	0,0667	54.010.992	458.971.968	350.788.032	
2019	0,0667	54.010.992	512.982.960	296.777.040	
2020	0,0667	54.010.992	566.993.952	242.766.048	
2021	0,0667	54.010.992	621.004.944	188.755.056	
2022	0,0667	54.010.992	675.015.936	134.744.064	
2023	0,0667	54.010.992	729.026.928	80.733.072	
2024	0,0667	54.010.992	783.037.920	26.722.080	
2025	0,0667	54.010.992	837.048.912	-27.288.912	
2026	0,0667	54.010.992	891.059.904	-81.299.904	